|  |  |
| --- | --- |
| HĐND TỈNH KON TUM  **BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 59 /BC-BKTNS | *Kon Tum, ngày 30 tháng 6 năm 2020* |

**BÁO CÁO THẨM TRA**

**Dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân; trên cơ sở Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; dự thảo nghị quyết và hồ sơ trình thẩm tra kèm theo. Ban Kinh tế - Ngân sách đã tổ chức phiên họp toàn thể thẩm tra nội dung trên. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan. Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

**I. Nội dung dự thảo nghị quyết và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau**

**1. Về nội dung dự thảo nghị quyết:**

Thực hiện Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Nghị quyết về phí và lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành([[1]](#footnote-1))Ủy ban nhân dân tỉnh đã giao Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Nghị quyết quy định 17 khoản phí, 7 khoản lệ phí, cụ thể như sau:

a. Các khoản phí, bao gồm:

- Phí thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (01 khoản): Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống *(đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện)*;

- Phí thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, đầu tư, xây dựng (01 khoản): Phí sử dụng công trình kế cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu;

- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải (01 khoản): Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố;

- Phí thuộc lĩnh vực văn hóa thể thao, du lịch (03 khoản): Phí thăm quan di tích lịch sử *(đối với công trình thuộc địa phương quản lý);* Phí thăm quan công trình văn hóa, bảo tàng *(đối với công trình thuộc địa phương quản lý);* Phí thư viện *(đối với thư viện thuộc địa phương quản lý);*

- Phí thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường (08 khoản): Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* Phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi *(đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);* và Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

- Phí thuộc lĩnh vực tư pháp (03 khoản): Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản trừ tàu bay, tàu biển *(đối với hoạt động cung cấp thông tin do cơ quan địa phương thực hiện);* và Phí đăng ký giao dịch bảo đảm *(đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện)*.

b. Các khoản lệ phí, bao gồm:

- Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân (04 khoản): Lệ phí đăng ký cư trú; Lệ phí cấp Chứng minh nhân dân, căn cước công dân; Lệ phí hộ tịch và Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản (03 khoản): Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất; Lệ phí cấp giấp phép xây dựng và Lệ phí đăng ký kinh doanh.

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 /11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy việc Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung trên là cần thiết, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

**2. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau:**

Thông qua việc lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương([[2]](#footnote-2)) và ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chủ trì soạn thảo đã giải trình, tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết. Không có ý kiến khác nhau.

Về ý kiến của cơ quan thẩm định: Các nội dung tại Báo cáo thẩm định số 134/BC-STP ngày 26/5/2020 của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo đã cơ bản giải trình và tiếp thu đầy đủ.

Qua xem xét nội dung tiếp thu, giải trình kèm theo Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 08/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp thẩm tra. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với các nội dung mà cơ quan trình đã báo cáo.

**II. Sự phù hợp của nội dung dự thảo** **Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương**

Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này là cần thiết, đúng quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

**III. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật**

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính hợp Hiến, hợp Pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật; đảm bảo phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn.

**IV. Kiến nghị, đề xuất**

Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các đại biểu tại phiên họp thẩm tra và các quy định của pháp luật có liên quan. Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết; đồng thời đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình, tiếp thu bổ sung một số nội dung sau:

**1. Về nội dung dự thảo Nghị quyết**

- Đề nghị biên tập lại khoản 1, Điều 1 như sau:

“Nghị quyết này quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của Luật phí và lệ phí”

- Biên tập lại khoản 1, Điều 2 như sau:

“1. Mức thu, đối tượng nộp, miễn, giảm phí và lệ phí, tỷ lệ % để lại, tỷ lệ % nộp ngân sách nhà nước, chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Nghị quyết”

**2. Về các Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết**

- Để thuận tiện cho việc tra cứu, sửa đổi, bổ sung (nếu có). Đề nghị sắp xếp, biên tập lại Phụ lục các khoản phí, lệ phí như sau:

“**PHỤ LỤC I**

**CÁC KHOẢN PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. PHÍ THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

…

B. PHÍ THUỘC LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG

C…..

**PHỤ LỤC II**

**CÁC KHOẢN LỆ PHÍ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2020/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN

…

B. LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU, QUYỀN SỬ DỤNG TÀI SẢN

- Đề nghị biên tập lại cụm từ “**Mức thu phí**” tại cột “N**ội dung**” trong các Phụ lục thành “**Nội dung thu phí**”.

- Đề nghị bổ sung cụ thể các đối tượng nộp phí đăng ký giao dịch bảo đảm tại điểm 1 mục III Phụ lục I ***Phí thuộc lĩnh vực tư pháp*** và đối tượng nộp lệ phí cấp giấy phép xây dựng tại điểm 1 mục II Phụ lục II ***Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến sở hữu, quyền sử dụng tài sản***.

- Đề nghị loại bỏ đối tượng miễn nộp lệ phí theo quy định của Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 tại điểm 3 mục I Phụ lục II ***Lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản*** (vì Nghị định số 88/2009/NĐ-CP đã hết hiệu lực); loại bỏ khoản Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản trừ tàu bay, tàu biển tại mục II Phụ lục I ***Phí thuộc lĩnh vực Tư pháp***([[3]](#footnote-3))***.***

- Về phí thư viện tại mục III Phụ lục I ***phí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch*.** Đề nghị rà soát, bổ sung các hoạt động được miễn phí theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Thư viện năm 2019.

- Vềphí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường tại mục II Phụ lục I ***Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường***. Đề nghị rà soát điều chỉnh lại mức thu phí đảm bảo tương quan với mức thu phí quy định tại Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo rà soát, cập nhật các quy định về mức thu, nộp và tỷ lệ miễn, giảm phí, lệ phí đồng thời thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành và Hội đồng nhân dân tỉnh trong thời gian dịch Covid-19 theo quy định của Bộ, ngành Trung ương, đảm bảo tương đồng về tỷ lệ miễn, giảm và thời gian thực hiện; trường hợp phát sinh thì bổ sung vào phần ghi chú dưới các bảng biểu của Phụ lục cho phù hợp với qui định. Điều chỉnh mốc thời gian miễn giảm trong các bảng biểu của Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết cho tương đồng với qui định của Trung ương.

**3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản**: Đề nghị cơ quan trình rà soát, thực hiện theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách. Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI, Kỳ họp thứ 10 xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Lưu: VT, CV Ban KT-NS(Tr.A). | **TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH**  **TRƯỞNG BAN**  **Đã ký**  **Hồ Văn Đà** |

1. () Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 và Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 04 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Nghị quyết về phí, lệ phí do Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành. [↑](#footnote-ref-1)
2. () có 11 đơn vị có ý kiến bằng văn bản; 8 đơn vị không có ý kiến được hiểu là thống nhất. [↑](#footnote-ref-2)
3. () điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 85/2019/TT-BTC quy định: “Không ban hành văn bản thu …phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản, trừ tàu bay, tàu biển. Việc quy định mức thu, phương pháp thu các khoản phí này thực hiện theo quy định của các luật chuyên ngành có liên quan.” [↑](#footnote-ref-3)